TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2025/HS-ST
Ngày: 24-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Khánh Hòa

Ông Doanh Thiêm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn M (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 14/7/1978 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Xuân Đ (đã chết) và bà Bế Thị S, sinh năm 1947; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 01. Bản án số 01/2023/HSST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái pháp chất ma túy". Ngày 13/12/2023 thì chấp hành xong, đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không. Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh B (Có mặt).

2. Lục Nam B (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01/8/1988 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ở: Tiểu khu A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lục Văn T, sinh năm 1955 và bà Nông Thị T1, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, có 01 con, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 10/2007/HSST ngày 16/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Ngày 07/5/2009, chấp hành xong, đã được xóa án tích.

- Bản án số 18/2011/HSST ngày 23/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 10/3/2012, chấp hành xong, đã được xóa án tích.

- Bản án số 07/2019/HSST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 04/8/2020 chấp hành xong, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh B (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Sầm Đức T2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

Người chứng kiến: Ông Mã Văn T3, sinh năm 1965 - Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 31/12/2024 tổ công tác Công an thị trấn V, huyện N phối hợp với đội Cảnh sát giao thông Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn tiến hành tuần tra kiểm soát tại Quốc lộ C thuộc T, thị trấn V, huyện N phát hiện 02 đối tượng nam giới điều khiển xe mô tô BKS 97B1-449.91 di chuyển theo hướng Cao Bằng - Hà Nội có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm về ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thì 01 đối tượng có hành động dùng tay ném ra lề đường bên phải 01 (một) gói nhỏ ma túy. Quá trình kiểm tra đối tượng điều khiển xe mô tô khai nhận là Trương Văn M, người ngồi sau xe mô tô là Lục Nam B. Tổ công tác tiến hành bảo vệ hiện trường và khám nghiệm hiện trường phát hiện thu giữ tại hiện trường 01 (một) gói nhỏ ma túy được gói bằng 03 lớp giấy đều có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng tại lề đường bên phải theo hướng Cao Bằng - Hà Nội cách vị trí M đứng khoảng 4m (niêm phong trong phong bì ký hiệu A1). Kiểm tra người M phát hiện tại túi áo khoác ngoài phía trước bên trái đang mặc 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, cũ đã qua sử dụng (niêm phong trong phong bì ký hiệu M1), phát hiện tại túi quần phía sau bên phải của M đang mặc số tiền 110.000 đ (Một trăm mười nghìn đồng) (niêm phong trong phong bì ký hiệu M2). Tiến hành kiểm tra người B phát hiện tại túi quần đăng trước bên trái B đang mặc 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu đỏ, cũ đã qua sử dụng (niêm phong trong phòng bì ký hiệu B1). Kiểm tra xe mô tô do M điều khiển không phát hiện đồ vật, tài liệu gì và tiến hành tạm giữ xe mô tô BKS 97B1-449.91, ngoài ra không phát hiện thu giữ gì thêm. Tổ công tác tiến hành lập biên

bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó đưa người cùng tang vật về trụ sở Công an huyện để làm việc.

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 31/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện N tiến hành mở, đóng niêm phong và cân xác định khối lượng số chất màu trắng dạng cục, bột trong phong bì ký hiệu A1 có tổng khối lượng **0,15g** (không phẩy một năm gam) và được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1 để gửi đi giám định.

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 01/01/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tiến hành khám xét chỗ ở và các công trình phụ cận có liên quan của Trương Văn M và Lục Nam B. Kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ thêm đồ vật, tài liệu gì.

Tại Kết luận giám định số 48/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu K1 là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,15g (không phẩy một năm gam).

Quá trình điều tra Trương Văn M và Lục Nam B khai nhận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 31/12/2024, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, BKS 97B1-449.91 ra thị trấn N chơi thì gặp B, hai người nói chuyện và rủ nhau đi tìm mua ma túy về sử dụng. Sau khi nói chuyện M điều khiển xe chở B đi từ thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đến khu vực thôn B, xã Đ, huyện N thì dừng xe và cho B xuống xe chờ. Tại đây B đưa cho M số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và M góp thêm số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đi mua ma túy. Sau đó M điều khiển xe mô tô đi vào thôn B, xã Đ, tại đây M gặp một người phụ nữ khoảng 35 tuổi (không biết tên và địa chỉ) đang đứng ở cạnh đường, M có hỏi và nhờ mua được 01 (một) gói ma túy với giá 400.000 đ (bốn trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy M cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải và điều khiển xe quay lại đón B đi về, khi cả hai đi về đến T, thị trấn V, huyện N thì thấy tổ công tác gồm lực lượng Cảnh sát giao thông và Công an thị trấn V yêu cầu dừng để kiểm tra, do sợ bị phát hiện M đã vung ném gói ma túy vừa mua được ra rìa đường bên phải theo hướng Cao Bằng - Hà Nội. Sau đó tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và đưa người, tang vật cùng phương tiện về trụ sở để làm việc.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-NS, ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Trương Văn M và Lục Nam B về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Văn M và Lục Nam B phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Đề nghị xử lý các bị cáo như sau:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trương Văn M từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lục Nam B từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (H) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong, phong bì niêm phong cũ; Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe môtô kèm chìa khóa xe; Tạm giữ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe để đảm bảo thi hành án đối với chiếc xe; Trả lại cho bị cáo Trương Văn M 01 điện thoại di động R và số tiền 110.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Lục Nam B 01 điện thoại di động Oppo.

* Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, về xử lý vật chứng. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn M từ 18 đến 21 tháng tù, bị cáo Lục Nam B từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn M và Lục Nam B khai nhận: Do nghiện ma túy, với mục đích sử dụng cho bản thân nên ngày 31/12/2024, các bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 (*một)* gói nhỏ ma túy (*heroine*) có tổng khối lượng 0,15g (không phẩy một năm gam) và đã bị tổ công tác Công an thị trấn V, huyện N phối hợp với đội Cảnh sát giao thông Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát hiện bắt quả tang, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 12 giờ 50 phút, ngày 31/12/2024; Biên bản khám nghiệm hiện

trường lập hồi 15 giờ 05 phút ngày 31/12/2024; Biên bản mở đóng niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng nghi là chất ma túy và gửi mẫu giám định ngày 31/12/2024; phù hợp với Kết luận giám định số 48/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh B; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Trương Văn M và Lục Nam B đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……..

c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"

[3] Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng chung ý chí, mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng; Bị cáo M góp số tiền 200.000 đồng, điều khiển xe môtô của mình chở theo bị cáo B đi mua ma túy, trực tiếp đứng ra giao dịch để mua ma túy, trực tiếp quản lý, cất giữ số ma túy mua được trên người. Bị cáo B đóng góp số tiền 200.000 đồng, cùng bị cáo M đi mua và tàng trữ ma túy. Do đó, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép 0,15g ma túy (Heroine).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến các chính sách phát triển Kinh tế -Xã hội của Nhà nước, ảnh hưởng đến sức khỏe, gia đình, hơn nữa ma túy cũng là mầm mống, nguyên nhân phát sinh một số tội phạm khác. Do vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố các bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Trương Văn M có 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích. Bị cáo Lục Nam B có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", "Trộm cắp tài sản". Nay các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ các bị cáo không chịu rèn luyện bản thân và xem thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm minh.

Bị cáo Trương Văn M phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lục Nam B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*. Bị cáo Trương Văn M có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhất. Bị cáo Lục Nam B có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất và hạng Ba. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khi cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo, hội đồng xét xử xem xét đến đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, mức độ nghiêm trọng do hành vi phạm tội của các bị cáo để ra một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo M phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo giữ vai trò tích cực hơn bị cáo B trong vụ án. Do vậy, cần xem xét xử lý mức hình phạt với bị cáo Trương Văn M1 cao hơn bị cáo Lục Nam B. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, người bào chữa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Các vật chứng là số ma túy (H) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong, phong bì niêm phong cũ, túi nilon có trong các phong bì niêm phong ký hiệu T34, K2, B2 xét là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại có trong phong bì niêm phong ký hiệu B1 là điện thoại của bị cáo Lục N B không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. 01 điện thoại có trong phong bì niêm phong ký hiệu M1, số tiền 110.000 đồng trong phong bì ký hiệu B1 bị tạm giữ là điện thoại, tiền của bị cáo Trương Văn M không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

01 xe môtô kèm chìa khóa xe bị tạm giữ là phương tiện phạm tội và là tài sản hợp pháp của bị cáo Trương Văn M nên cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với chiếc xe.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án: Đối với người phụ nữ theo bị cáo Trương Văn M khai nhận được nhờ mua hộ ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do vậy, các bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Văn M và Lục Nam B phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trương Văn M 21 (Hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 31/12/2024.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Lục Nam B 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 31/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T34.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu K2.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2.

2.2. Trả lại cho bị cáo Lục Nam B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng có trong 01 phong bì niêm phong ký hiệu B1.

2.3. Trả lại cho bị cáo Trương Văn M:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng màu đen có trong 01 phong bì niêm phong ký hiệu M1.

- Số tiền 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng) có trong phong bì niêm phong ký hiệu B1.

2.4. Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe môtô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIR BLADE màu trắng xám, BKS 97B1-449.91, số khung: RLHJF4618EZ440657, số máy JF46E7068900, đã qua sử dụng, tạm giữ của Trương Văn M.

2.3. Tạm giữ 01 chìa khóa xe, 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005338, cấp ngày 23/42015 mang tên Trương Văn M để đảm bảo thi hành án đối với chiếc xe môtô.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án../.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Công an tỉnh Bắc Kạn (PC10);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ